

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Nghiên cứu khoa học (NCKH) ở các cơ sở giáo dục nói chung, tại cơ sở bồi dưỡng (CSBD) cán bộ quản lý giáo dục (CBQLGD) nói riêng là một trong những nhiệm vụ cơ bản. Đối với CSBD CBQLGD, nó không chỉ góp phần nâng cao chất lượng, uy tín của CSBD CBQLGD, mà còn là quá trình không thể thiếu để huấn luyện cho các cán bộ quản lý đương chức và kế cận trong việc thực hiện sứ mệnh truyền bá, áp dụng, sản sinh tri thức, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội.

Theo quy định, quản lý NCKH tại các CSBD CBQLGD gồm nhiều nội dung. Tuy nhiên, việc quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở là một việc định kỳ hàng năm, tốn nhiều thời gian của các nhà quản lý tại CSBD CBQLGD và là việc mà CSBD CBQLGD có thể chi phối cũng như kiểm soát từ khi bắt đầu đến khi kết thúc quá trình nghiên cứu này.

Để nâng cao hiệu quả NCKH, đặc biệt là, các KQNC của đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD áp dụng được vào thực tiễn, cần phải đưa ra các giải pháp theo hướng: Xây dựng quy trình trong từng quá trình cụ thể; Phải nâng cao vai trò, trách nhiệm của chủ thể quản lý và các chủ thể có liên quan cũng như phát triển mối quan hệ tương tác của các chủ thể khi thực hiện chức năng quản lý của mình trong toàn bộ quá trình quản lý.

Chính những lý do khách quan nói trên trong NCKH tại các CSBD CBQLGD và sự mong mỏi chủ quan, tác giả đã lựa chọn đề tài: “*Quản lý nghiên cứu khoa học tại các cơ sở bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục*” với trọng tâm là quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở làm đề tài luận án tiến sĩ với mong muốn góp phần đổi mới quản lý theo tinh thần: Công khai, minh bạch, đúng vai trò, trách nhiệm nhằm nâng cao hiệu quả NCKH, đặc biệt là, các KQNC của đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD áp dụng được vào thực tiễn.

2. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất các giải pháp quản lý NCKH tại các CSBD CBQLGD nhằm nâng cao hiệu quả NCKH, đặc biệt là, các KQNC của đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD áp dụng được vào thực tiễn.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu: Nghiên cứu khoa học tại CSBD CBQLGD.

Đối tượng nghiên cứu: Quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở.

4. Phạm vi nghiên cứu

Về địa bàn: Trên cơ sở về tư cách pháp nhân và chức năng, nhiệm vụ có tính tương tự, luận án giới hạn nghiên cứu tại 4 cơ sở bao gồm: Học viện Quản lý giáo dục, Trường Cán bộ Quản lý Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Bồi dưỡng Cán bộ giáo dục Hà Nội và Trường Bồi dưỡng Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Phú Thọ.

Về khách thể khảo sát: Các giảng viên/ nhà khoa học, các chuyên gia trong lĩnh vực NCKH và lãnh đạo/quản lý giáo dục ở các CSBD CBQLGD.

Về nội dung: Nội dung quản lý NCKH tại CSBD CBQLGD có nhiều, nhưng luận án chỉ nghiên cứu quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở trong giai đoạn từ năm 2010 đến 2013...

Về khảo nghiệm và thực nghiệm: Luận án khảo nghiệm sự cần thiết và tính khả thi của các giải pháp; thực nghiệm xây dựng quy trình TVXD vấn đề nghiên cứu và TVTC thuyết minh nghiên cứu đề tài NCKH cấp cơ sở tại Học viện Quản lý giáo dục.

5. Giả thuyết khoa học

Hiện nay các KQNC của đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD ít được áp dụng vào thực tiễn. Nếu nâng cao vai trò, trách nhiệm của chủ thể quản lý thông qua việc hoàn thiện các cơ chế, chính sách trong NCKH đồng thời hoàn thiện các quy trình cụ thể cũng như phát triển mối quan hệ giữa chủ thể quản lý với các chủ thể có liên quan trong quá trình thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD thì sẽ nâng cao hiệu quả NCKH, đặc biệt là, các KQNC của đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD áp dụng được vào thực tiễn.

6. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ cơ sở lý luận về quản lý NCKH, đặc biệt là cơ sở lý luận về quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở tại CSBD CBQLGD.

- Tìm hiểu thực trạng NCKH, đặc biệt là thực trạng quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD.

- Đề xuất các giải pháp quản lý NCKH tại CSBD CBQLGD.

- Khảo nghiệm sự cần thiết và tính khả thi của các giải pháp đề xuất.

- Thực nghiệm xây dựng quy trình TVXD vấn đề nghiên cứu và TVTC thuyết minh nghiên cứu đề tài NCKH cấp cơ sở tại Học viện Quản lý giáo dục.

7. Phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận duy vật lịch sử, duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; dựa vào tiếp cận hệ thống, tiếp cận quá trình và tiếp cận quản lý; sử dụng phương pháp nghiên cứu lý thuyết, nghiên cứu thực tiễn để nghiên cứu về cơ sở lý luận, điều tra về mặt thực trạng, từ đó đề xuất giải pháp nhằm giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu...

8. Luận điểm bảo vệ

- Bằng phương pháp tiếp cận hệ thống, tiếp cận quá trình và tiếp cận quản lý; Trên cơ sở phương pháp luận duy vật lịch sử, duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, luận án đã xây dựng khung lý thuyết về quản lý NCKH, đặc biệt là quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD, bao gồm các khái niệm: Quản lý; CSBD CBQLGD; NCKH tại các CSBD CBQLGD; Đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD; Quản lý NCKH tại các CSBD CBQLGD; Quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD; Hiệu quả NCKH tại các CSBD CBQLGD.

- Nhờ vào khung lý thuyết đã xây dựng, luận án đã tiến hành điều tra thực trạng (thông qua các thống kê trong từng năm học; thông qua phiếu khảo sát và thông qua việc phỏng vấn sâu các chuyên gia) tại các CSBD CBQLGD từ năm 2010 đến 2013 về quản lý NCKH, đặc biệt là quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở.

- Qua điều tra thực trạng, luận án đã minh chứng cho luận điểm: Để nâng cao hiệu quả NCKH, đặc biệt là các KQNC của đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD áp được vào thực tiễn, cần phải tiến hành các giải pháp: Nâng cao vai trò, trách nhiệm của chủ thể quản lý thông qua việc hoàn thiện các cơ chế, chính sách trong NCKH tại các CSBD CBQLGD; Hoàn thiện các quy trình cụ thể trong quá trình thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD; Phát triển mối quan hệ giữa chủ thể quản lý với các chủ thể có liên quan trong quá trình thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD.

9. Những đóng góp mới của luận án

Về lý luận:

- Đã chỉ ra quá trình thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở tại CSBD CBQLGD.
- Đã chỉ ra các nội dung quản lý các đề tài NCKH cấp cơ sở và chỉ ra các nhóm yếu tố ảnh hưởng tới việc quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở tại CSBD CBQLGD.
- Làm rõ vai trò, trách nhiệm của chủ thể quản lý và các chủ thể có liên quan trong quá trình quản lý các đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD.

Về thực tiễn:

- Đã đề xuất các quy trình cụ thể để quản lý các đề tài NCKH cấp cơ sở tại CSBD CBQLGD.
- Hướng các quá trình tìm tòi, phát hiện và sáng tạo của các giảng viên/nhà khoa học trong NCKH vào việc xử lý các bất cập trong hoạt động của cá nhân và đơn vị; Hướng các KQNC của đề tài NCKH cấp cơ sở ứng dụng được trong thực tế.

10. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, luận án gồm 3 chương và các phụ lục.

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý NCKH tại các CSBD CBQLGD

Chương 2: Thực trạng quản lý NCKH tại các CSBD CBQLGD

Chương 3: Giải pháp quản lý NCKH tại các CSBD CBQLGD

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TẠI CÁC CƠ SỞ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

1.1. Tổng quan nghiên cứu về quản lý NCKH

1.1.1. Nghiên cứu quản lý NCKH ở nước ngoài

Quá trình quản lý NCKH ở nước ngoài đã hướng tới một sự ổn định và công khai từ việc xác định và chọn vấn đề nghiên cứu, phân bổ và quản lý kinh phí, đại diện tiêu biểu là Nhật Bản, Newzealand. Qua việc nghiên cứu một số nước có năng lực nghiên cứu gần giống như Việt Nam và các nước có năng lực nghiên cứu cao hơn thì Việt Nam chỉ thuộc nhóm các nước có năng lực nghiên cứu chưa cao. Để có thể nâng cấp năng suất nghiên cứu, Việt Nam cần phải

quan tâm đến Chiến lược phát triển KH&CN, trong đó, tập trung để nâng cao chỉ số “Chỉ số kinh tế tri thức (KEI)” và trước mắt phải cải thiện được chỉ số tri thức (KI).

1.1.2. Nghiên cứu quản lý NCKH ở Việt Nam

Có một số tác giả đã nghiên cứu trong *lĩnh vực quản lý NCKH*... Tuy nhiên các tác giả không đề cập đến các nội dung quản lý cụ thể khi quản lý đề tài NCKH, chưa đề cập đến việc xây dựng quy trình trong quá trình thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở, chưa nêu bật được vai trò, trách nhiệm cũng như sự tương tác giữa chủ thể quản lý với các chủ thể có liên quan khi thực hiện các chức năng quản lý của mình trong việc quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở...

Việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý đề tài NCKH cũng có các tác giả đã quan tâm nghiên cứu... Tuy nhiên, các tác giả chưa đề cập nhiều tới phần mềm ứng dụng để quản lý các nhiệm vụ NCKH...

1.1.3. Nhận định về phân tổng quan nghiên cứu

Trong quản lý các đề tài NCKH, các nước đều quan tâm đến định hướng Chiến lược phát triển KH&CN; Quản lý các hình thức đầu tư cho NCKH, cách quản lý kinh phí sao cho hiệu quả; Quan tâm đến qui trình hóa các quy trình quản lý từ quá trình xác định vấn đề nghiên cứu đến quá trình đánh giá, nghiệm thu và áp dụng KQNC vào thực tế một cách rõ ràng, minh bạch.

Các giải pháp trong nghiên cứu quá trình quản lý NCKH ở Việt Nam còn nặng về lý luận, không có khả năng sai, nhưng khả năng áp dụng vào thực tế còn hạn chế...

1.2. Nghiên cứu khoa học tại các CSBD CBQLGD

1.2.1. Khái niệm cơ sở bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục

Từ những quy định về cơ sở giáo dục thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBQLGD; trên cơ sở thực tế hiện nay, có thể hiểu, CSBD CBQLGD là cơ sở giáo dục có đặc điểm: là một đơn vị sự nghiệp công trong hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng hoặc trực thuộc Bộ GD&ĐT hoặc trực thuộc Ủy Ban nhân dân Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ trọng yếu trong đào tạo, bồi dưỡng là nâng cao trình độ cho đội ngũ CBQLGD theo quy định phân cấp và nhiệm vụ trọng yếu trong nghiên cứu khoa học là nghiên cứu công tác quản lý giáo dục, nghiên cứu công tác bồi dưỡng kiến thức cho CBQLGD.

1.2.2. Khái niệm nghiên cứu khoa học tại các CSBD CBQLGD

NCKH tại các CSBD CBQLGD là sự tìm kiếm những điều mà khoa học chưa biết; Hoặc là phát hiện bản chất sự vật, phát triển nhận thức khoa học về thế giới; Hoặc là sáng tạo phương pháp mới và phương tiện kỹ thuật mới để làm biến đổi sự vật phục vụ cho mục tiêu của các CSBD CBQLGD hoặc các nhu cầu khác theo thỏa thuận giữa thủ trưởng các CSBD CBQLGD với cơ quan/tổ chức sẽ thụ hưởng KQNC theo một quy trình chặt chẽ nhằm góp phần nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ của CSBD CBQLGD.

1.2.3. Nội dung NCKH tại các CSBD CBQLGD

Nội dung NCKH tại các CSBD CBQLGD bao gồm các nhiệm vụ sau: Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; Thực hiện các chương trình, đề án, dự án, phát triển công nghệ; Thực hiện việc biên soạn chương trình đào tạo, bồi dưỡng; Biên soạn một giáo trình hay sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo; Tìm ra các giải pháp nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá môn học; Thực hiện việc công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; Viết tham luận tại các hội nghị, hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước; Viết tham luận trong các hội thảo khoa học của khoa, bộ môn; Thực hiện hướng dẫn người học nghiên cứu khoa học; Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu KH&CN; Tham gia các cuộc thi sáng tạo và các hoạt động khác về KH&CN.

1.3. Đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD

1.3.1. Khái niệm

Đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD là một loại đề tài NCKH được các CSBD CBQLGD quyết định và trực tiếp quản lý, được các giảng viên/nhà khoa học thuộc cơ sở đó thực hiện tối đa trong một năm nhằm phục vụ công tác quản lý giáo dục, công tác giảng dạy hoặc các nhu cầu khác theo thỏa thuận giữa thủ trưởng các CSBD CBQLGD với cơ quan/tổ chức sẽ thụ hưởng KQNC.

1.3.2. Quá trình thực hiện đề tài

Trên cơ sở khái niệm về quá trình; Theo quy định của cấp có thẩm quyền về quá trình thực hiện một đề tài NCKH và thực tiễn khi thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD có các quá trình cụ thể như sau: TVXD vấn đề nghiên cứu; Tư vấn TVTC các thuyết minh nghiên cứu; Triển khai nghiên cứu và kiểm tra; Đánh giá, nghiệm thu; Thực hiện quyền tác giả và quyền sở hữu KQNC; Áp dụng KQNC vào thực tiễn.

1.3.3. Quy trình cụ thể

Từ khái niệm về quy trình, trên cơ sở thực tiễn khi thực hiện đề tài cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD, có thể xây dựng thành sáu quy trình cụ thể, bao gồm: Quy trình TVXD vấn đề nghiên cứu; Quy trình TVTC thuyết minh; Quy trình triển khai nghiên cứu và kiểm tra; Quy trình đánh giá, nghiệm thu; Quy trình thực hiện quyền tác giả và quyền sở hữu KQNC, quy trình áp dụng KQNC vào thực tiễn.

1.4. Quản lý NCKH tại các CSBD CBQLGD

1.4.1. Khái niệm quản lý

Quản lý là sự tác động có hướng đích của người lãnh đạo tới các cá nhân/tổ chức có liên quan trong hoạt động tập thể nhằm đạt mục tiêu đã được thống nhất thông qua các quá trình bao gồm: Lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra.

Luận án đã giải thích các khái niệm dùng để định nghĩa, bao gồm: Quản lý trong khoa học quản lý; người lãnh đạo (còn gọi là chủ thể quản lý); Cá nhân/tổ chức có liên quan; Sự tác động có hướng đích; Thao tác tư duy của chủ thể quản lý.

1.4.2. Khái niệm quản lý NCKH tại các CSBD CBQLGD

Quản lý NCKH tại các CSBD CBQLGD là sự tác động có hướng đích của thủ trưởng các CSBD CBQLGD tới việc thực hiện các nhiệm vụ NCKH đã được quy định nhằm phục vụ công tác quản lý giáo dục, công tác bồi dưỡng CBQLGD hoặc các nhu cầu khác theo thỏa thuận giữa thủ trưởng các CSBD CBQLGD với cơ quan/tổ chức sẽ thụ hưởng KQNC thông qua các chức năng quản lý.

1.4.3. Nội dung quản lý NCKH tại các CSBD CBQLGD

- Hằng năm, trên cơ sở định hướng của cấp trên, thực tế của CSBD CBQLGD và các kế hoạch của các đơn vị, thủ trưởng CSBD CBQLGD yêu cầu phòng KH&CN dự thảo xây dựng kế hoạch năm/giai đoạn.

- Để tổ chức thực hiện, Thủ trưởng CSBD CBQLGD cần quy định trách nhiệm cho các khoa, các phòng, ban trong việc xây dựng kế hoạch NCKH và thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt trong phạm vi đơn vị mình; Quy định trách nhiệm cho phòng KH&CN trong việc đề xuất chung, tổng hợp các kế hoạch KH&CN từ các đơn vị và kịp thời báo cáo các tình huống bất thường cho mình trong quá trình xây dựng dự thảo kế hoạch và quá trình thực hiện kế hoạch NCKH đã được phê duyệt.

- Thủ trưởng CSBD CBQLGD thường xuyên điều phối kịp thời các nguồn lực cho NCKH; Tìm nhiều hình thức thiết thực khác, bên cạnh việc sử dụng đúng và thường xuyên hình thức thi đua, khen thưởng trong NCKH nhằm tạo động lực NCKH cho đội ngũ.

- Thủ trưởng CSBD CBQLGD thường xuyên chủ động lắng nghe các thông tin NCKH từ phòng KH&CN, từ các đơn vị và từ Hội đồng KH&ĐT; Quyết đoán và kịp thời đưa ra các quyết định để xử lý như: Khen thưởng; Điều chỉnh hoặc thay đổi; Nhắc nhở, phê bình hoặc kỷ luật.

1.5. Quản lý đề tài NCKH tại các CSBD CBQLGD

1.5.1. Khái niệm

Quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD là sự tác động có hướng đích của chủ thể quản lý tới sự tìm tòi, khám phá của một nhóm người cùng thực hiện một nhiệm vụ nghiên cứu và các tổ chức có liên quan theo một quá trình đã được quy định nhằm phục vụ công tác quản lý giáo dục, công tác bồi dưỡng CBQLGD hoặc các nhu cầu khác theo thỏa thuận giữa chủ thể quản lý với cơ quan/tổ chức sẽ thụ hưởng KQNC thông qua các chức năng quản lý.

Trong đó:

- Chủ thể quản lý chính là thủ trưởng các CSBD CBQLGD.

- Nhóm người cùng thực hiện một nhiệm vụ nghiên cứu là chủ nhiệm đề tài và những thành viên cùng tham gia nghiên cứu.

- Tổ chức có liên quan chính bao gồm: Tổ kiểm tra, Hội đồng đánh giá nghiệm thu và cơ quan/tổ chức sẽ thụ hưởng KQNC.

1.5.2. Cơ cấu tổ chức trong quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở

Từ cơ cấu tổ chức trong quản lý NCKH của từng CSBD CBQLGD và dựa vào thực tế quản lý, có thể hiểu cơ cấu tổ chức quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD bao gồm các nhân tố cơ bản sau:

- *Chủ thể quản lý – (A)*. Là thủ trưởng các CSBD CBQLGD với các tổ chức tham mưu chính như: Bộ phận chuyên trách NCKH, Hội đồng Khoa học và Đào tạo các CSBD CBQLGD và trưởng đơn vị có giảng viên/nhà khoa học là chủ nhiệm đề tài.

- *Các nhân tố chính khác được gọi là các chủ thể có liên quan, bao gồm: Chủ nhiệm đề tài (B); Tổ trưởng tổ kiểm tra (C); Chủ tịch Hội đồng đánh giá nghiệm thu (D) và thủ trưởng cơ quan/tổ chức sẽ thụ hưởng kết quả nghiên cứu (E)*.

1.5.3. Vai trò, trách nhiệm và hành động cụ thể của chủ thể quản lý và các chủ thể có liên quan

Luận án đã chỉ ra vai trò, trách nhiệm và hành động cụ thể cần đạt được của chủ thể quản lý và các chủ thể có liên quan trong quá trình quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở, bao gồm: Thủ trưởng CSBD CBQLGD - (A) (*Chủ thể quản lý*); Các chủ thể có liên quan (*Chủ nhiệm đề tài – (B); Tổ trưởng tổ kiểm tra – (C); Chủ tịch Hội đồng đánh giá, nghiệm thu – (D); Thủ trưởng cơ quan/tổ chức sẽ thụ hưởng KQNC - (E)*).

1.5.4. Nội dung quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở

Trên cơ sở các văn bản Quy định chung và thực tế quản lý các đề tài NCKH cấp cơ sở tại CSBD CBQLGD, luận án khái quát thành 6 nội dung (quá trình cụ thể) trong quá trình thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở (*đã đề cập đến khái niệm, ý nghĩa và các nội dung quản lý - thể hiện vai trò, trách nhiệm của chủ thể quản lý khi thực hiện các chức năng quản lý của mình*) để làm cơ sở cho việc điều tra thực trạng và tìm giải pháp. Sáu nội dung đó là: Quản lý TVXD vấn đề nghiên cứu; Quản lý TVTC thuyết minh (Hội đồng KH&ĐT và thủ trưởng cơ quan/tổ chức sẽ thụ hưởng KQNC của đề tài NCKH chịu trách nhiệm chính trong việc tư vấn; Thủ trưởng CSBD CBQLGD quyết định); Quản lý triển khai nghiên cứu và kiểm tra; Quản lý đánh giá, nghiệm thu; Quản lý thực hiện quyền tác giả và quyền sở hữu KQNC; Quản lý áp dụng KQNC vào thực tiễn.

1.5.5. Các yếu tố ảnh hưởng

Luận án đề cập tới yếu tố chủ quan: Vai trò, trách nhiệm của chủ thể quản lý và các chủ thể có liên quan là một yếu tố chủ quan quan trọng. Luận án cũng đề cập đến yếu tố khách quan cơ bản: 09 yếu tố cơ bản khác có ảnh hưởng tới quá trình quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD.

Kết luận chương 1

Luận án đề xuất định nghĩa khái niệm quản lý theo hướng tiếp cận chủ thể quản lý.

Ngoài ra, để tạo hệ thống lý luận phục vụ nhiệm vụ của luận án, luận án đã làm rõ thêm các khái niệm như: CSBD CBQLGD; NCKH tại các CSBD CBQLGD; Đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD; Quản lý NCKH tại các CSBD

CBQLGD; Quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD; Hiệu quả NCKH tại các CSBD CBQLGD.

Với cách tiếp cận quá trình, kết hợp các nội dung quá trình thực hiện đề tài NCKH, luận án đã chỉ ra quá trình thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD.

Trên cơ sở khái niệm quy trình và kinh nghiệm trong thực tế, luận án chỉ ra sáu quy trình cụ thể để thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD (Thể hiện thứ tự các bước mà mọi thành viên có liên quan phải thực hiện).

Từ cơ cấu tổ chức trong quản lý hoạt động KH&CN và cơ cấu tổ chức thực tế trong quản lý NCKH tại các CSBD CBQLGD, luận án làm rõ cơ cấu tổ chức quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD.

Từ khái niệm quản lý và các quy định, luận án đã chỉ ra vai trò, trách nhiệm và hành động cụ thể của chủ thể quản lý và các chủ thể có liên quan khi tham gia quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD.

Trên cơ sở các kết quả về mặt lý luận và dựa vào các quy định quản lý của cơ quan có thẩm quyền trong NCKH, luận án đã cụ thể hóa 06 nội dung quản lý (quá trình cụ thể) đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD (làm rõ khái niệm, ý nghĩa và các nội dung quản lý - thể hiện vai trò, trách nhiệm của chủ thể quản lý khi thực hiện các chức năng quản lý của mình).

Luận án cũng đã cụ thể hóa nhóm yếu tố ảnh hưởng đến quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD, bao gồm: Yếu tố chủ quan và các yếu tố khách quan cơ bản.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TẠI CÁC CƠ SỞ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

2.1. Khái quát về các CSBD CBQLGD

2.1.1. Sự phát triển CSBD CBQLGD

Để đảm bảo có một tổ chức chuyên trách, làm đầu mối cho việc triển khai bồi dưỡng, ngày 01/9/1964, Bộ Giáo dục đã ban hành Thông tư số 46/TT hướng dẫn thành lập trường Bồi dưỡng Cán bộ ở các địa phương.

Sau đó, hệ thống các trường Cán bộ quản lý giáo dục đã phát triển theo xu hướng khác: Ngoài 04 cơ sở còn giữ được vai trò, nhiệm vụ, chức năng độc lập trong việc bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục có xu hướng phát triển và ảnh hưởng trong phạm vi cấp Tỉnh/Thành phố hoặc cấp Trung ương thì hầu hết đã chuyển đổi...

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của các CSBD CBQLGD

Trong phần này, luận án trình bày cơ sở pháp lý về tên cơ sở, chức năng và nhiệm vụ cơ bản.

2.1.3. Những đặc trưng giống nhau ở các CSBD CBQLGD

Bốn cơ sở đều có chức năng, nhiệm vụ trong việc bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức trong các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Bốn cơ sở đều có chức năng, nhiệm vụ trong việc tổ chức NCKH về công tác quản lý giáo dục, công tác bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho cán

bộ, viên chức trong các cơ sở giáo dục và đào tạo đồng thời triển khai những tiến bộ về khoa học giáo dục, khoa học quản lý giáo dục tới các cơ sở giáo dục.

2.2. Tổ chức khảo sát thực trạng quản lý NCKH tại các CSBD CBQLGD

Mục này luận án đề cập đến: Mục đích khảo sát; phạm vi (đơn vị, thời gian) và nội dung khảo sát; mẫu khách thể khảo sát và phương pháp khảo sát.

2.3. Thực trạng các nhiệm vụ NCKH tại các CSBD CBQLGD

2.3.1. Nhận thức về tầm quan trọng của các nhiệm vụ NCKH

77,1% số người trả lời đã khẳng định là quan trọng và rất quan trọng, trong đó 57,3% cho là rất quan trọng. Qua phỏng vấn sâu các chuyên gia, các nhà quản lý NCKH tại CSBD CBQLGD, kết quả nhận định như sau: Các giảng viên/nhà khoa học đều nhận thức đúng về tầm quan trọng của NCKH.

2.3.2. Mức độ thực hiện các nhiệm vụ NCKH

Nhìn tổng thể, đánh giá cao nhất đối với việc thực hiện 11 nhiệm vụ chỉ ở mức bình thường (32,8% số người trả lời đã đồng thuận), ở mức tốt có 22,9% người trả lời đồng thuận, 19,1% cho rằng việc thực hiện chưa tốt và 25,2% khẳng định ở mức chưa thực hiện.

Thông kê qua các báo cáo cuối năm học của các CSBD CBQLGD trong 3 năm học 2010-2011, 2011-2012 và 2012-2013, kết quả tổng hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học khác ngoài đề tài NCKH cũng phản ánh kết quả tương tự: Hoạt động nổi bật khi thực hiện nhiệm vụ NCKH ở CSBD CBQLGD là hướng dẫn người học làm NCKH (trong 3 năm, 4 cơ sở hướng dẫn 1.680 người) và viết bài cho Hội thảo khoa học của Cơ sở, Khoa, Bộ môn (trong 3 năm, 4 cơ sở có 432 bài).

Phỏng vấn sâu những người phụ trách NCKH ở 4 CSBD CBQLGD đều có nhận định chung: Việc hoàn thành nhiệm vụ NCKH của giảng viên thường thông qua hoạt động hướng dẫn người học trong NCKH; thông qua viết bài cho các Hội thảo các cấp; viết giáo trình, tài liệu phục vụ công tác giảng dạy – Đây là những nhiệm vụ mà giảng viên có thể chủ động và sáng tạo.

2.3.3. Mức độ thực hiện các đề tài NCKH

Nhìn tổng thể, số người trả lời đã đánh giá chưa tốt: 60,3%; chưa thực hiện: 22,2%.

Thông kê các đề tài NCKH tại các CSBD CBQLGD trong năm 2010 đến 2013 kết quả cũng phản ánh tương tự, tổng số đề tài NCKH các cấp trong 3 năm ở cả 4 cơ sở là 68 đề tài (cấp Nhà nước: 01; cấp Bộ/Bộ trọng điểm: 23; cấp cơ sở: 41; các đề tài khác: 03).

Qua phỏng vấn sâu đại diện lãnh đạo, nguyên nhân chính là: Các giảng viên đã dành nhiều thời gian cho hoạt động giảng dạy; Các CSBD CBQLGD chưa có các chính sách để ràng buộc, động viên và khuyến khích các giảng viên, các nhà quản lý và các nhà khoa học trong cơ sở mình quan tâm đến NCKH.

2.3.4. Mức độ thực hiện theo quy trình trong từng quá trình cụ thể

Nhìn tổng thể, 53,4% đã khẳng định chưa tốt và chưa thực hiện là 37,4%.

Phỏng vấn sâu các đại diện lãnh đạo, nguyên nhân chính là: Năm 2010 Bộ ban hành quy định thay đổi cách quản lý các đề tài; 50% số cơ sở này chưa có cán bộ chuyên trách để tư vấn cho lãnh đạo các CSBD CBQLGD trong NCKH.

2.3.5. Mức độ thực hiện hai nhiệm vụ giảng dạy và NCKH

Nhìn tổng thể, 42,7% đánh giá ở mức tốt và 28,2% đánh giá ở mức bình thường.

Thông kê qua các báo cáo ở CSBD CBQLGD trong 3 năm 2010 đến 2013, kết quả cụ thể về công tác giảng dạy tại CSBD CBQLGD là quá lớn so với số giảng viên (trung bình một năm là trên 184 lớp/ số giảng viên trung bình là 66 giảng viên).

Phỏng vấn sâu đại diện lãnh đạo: nguyên nhân chính là: Sức ép về trách nhiệm của giảng viên trong giảng dạy quá lớn; Có rất nhiều khả năng để các giảng viên có thể hoàn thành nhiệm vụ NCKH của mình theo quy định.

2.4. Thực trạng nội dung quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD

2.4.1. Quản lý TVXD vấn đề nghiên cứu cấp cơ sở

Nhìn tổng thể, 64,9% người trả lời đã khẳng định chưa thực hiện.

Phỏng vấn sâu đại diện lãnh đạo, nguyên nhân chính là: Việc TVXD vấn đề nghiên cứu mới bắt đầu có trong văn bản chính thức của Bộ GD&ĐT vào năm 2010; chưa chú trọng vào hiệu quả ứng dụng của nó trong thực tế; chưa có yêu cầu ràng buộc, khuyến khích và động viên.

2.4.2. Quản lý TVTC thuyết minh nghiên cứu đề tài NCKH cấp cơ sở

Nhìn tổng thể, 61,1% số người trả lời đã khẳng định chưa thực hiện.

Phỏng vấn sâu đại diện lãnh đạo, lý do chính là: Công tác tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn các văn bản quản lý NCKH chưa được chú trọng; Chưa tăng cường định lượng khách quan vào quá trình xem xét và đánh giá.

2.4.3. Quản lý triển khai nghiên cứu và kiểm tra đề tài NCKH cấp cơ sở

Nhìn tổng thể, 34,4% đánh giá ở mức bình thường; 29% đánh giá ở mức chưa tốt và 36,6% khẳng định chưa thực hiện.

Phỏng vấn sâu các đại diện lãnh đạo, đa số đã khẳng định: Những cá nhân được giao chịu trách nhiệm quản lý các đề tài NCKH cấp cơ sở đã thực hiện đúng các qui định của cấp trên, tuy nhiên, chưa được phổ biến rộng rãi trong toàn đội ngũ; Việc kiểm tra quá trình nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở mức độ thực hiện theo hợp đồng nghiên cứu, chưa tiến hành kiểm tra đột xuất.

2.4.4. Quản lý đánh giá, nghiệm thu đề tài NCKH cấp cơ sở

Nhìn tổng thể, 18% người trả lời đánh giá ở mức độ tốt; 22,1% đánh giá ở mức độ bình thường. Tuy nhiên, vẫn có 25,2% đánh giá ở mức độ chưa tốt và 35,9% đánh giá ở mức độ chưa thực hiện.

Phỏng vấn sâu các đại diện lãnh đạo, nguyên nhân chính là: Chưa tuyên truyền rộng rãi, công khai dưới dạng tập huấn quy trình về nội dung đánh giá, nghiệm thu các đề tài NCKH cấp cơ sở; Hội đồng đánh giá, nghiệm thu chưa đề cao tính khách quan, khoa học khi cho điểm.

2.4.5. Quản lý thực hiện quyền tác giả và quyền sở hữu KQNC đề tài NCKH cấp cơ sở

Nhìn tổng thể, chưa tốt: 42,8%; chưa thực hiện: 51,1%; bình thường: 0,8%.

Phỏng vấn sâu các đại diện lãnh đạo, nguyên nhân chính là: Đây là việc rất mới; Các CSBD CBQLGD cũng chưa có nhân sự đảm đương hoạt động này.

2.4.6. Quản lý áp dụng KQNC của đề tài NCKH cấp cơ sở vào thực tiễn
Nhìn tổng thể, 94,6% số người trả lời đã khẳng định: chưa thực hiện.

Phỏng vấn sâu các đại diện lãnh đạo, lý do lớn nhất là: Trong việc TVXD vấn đề nghiên cứu cấp cơ sở và việc TVTC thuyết minh đề tài NCKH cấp cơ sở chưa được các CSBD CBQLGD quan tâm đúng mức khi xem xét khả năng ứng dụng trong thực tế; Người quản lý và người nghiên cứu đa phần vẫn chưa kết hợp với các đơn vị/tổ chức sẽ thụ hưởng các KQNC.

2.5. Thực trạng các yếu tố cơ bản ảnh hưởng tới quá trình quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD

2.5.1. Yếu tố chủ quan

Mức độ ảnh hưởng của thủ trưởng CSBD CBQLGD

Nhìn tổng thể, Ít: 35,6% đã khẳng định; Chưa có nội dung của yếu tố: 32,1% đã khẳng định; 22,1% đánh giá ở mức bình thường và 12,2% cho rằng ở mức độ nhiều.

Qua trao đổi trực tiếp với đại diện lãnh đạo, nguyên nhân chính là: Vai trò tham mưu của người được giao quản lý nhiệm vụ này và trách nhiệm của Thủ trưởng CSBD CBQLGD trong việc định hướng các vấn đề nghiên cứu hàng năm chưa có; Vấn đề sử dụng sức mạnh của thi đua, khen thưởng trong việc động viên, khuyến khích người nghiên cứu còn mờ nhạt.

Mức độ ảnh hưởng của chủ nhiệm đề tài

Nhìn tổng thể, 22,1% đánh giá có ảnh hưởng nhiều, 44,1% đánh giá ảnh hưởng ở mức bình thường, 16% đánh giá ảnh hưởng ít, 15,3% khẳng định chưa có nội dung yếu tố này và 2,3% số người được hỏi không trả lời.

Qua trao đổi trực tiếp với đại diện lãnh đạo, nguyên nhân chính là: Sự thành công của đề tài cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD hầu như do sự nỗ lực và ý thức trách nhiệm của các chủ nhiệm đề tài trong suốt quá trình nghiên cứu.

Mức độ ảnh hưởng của Tổ trưởng tổ kiểm tra/Chủ tịch Hội đồng đánh giá, nghiệm thu

Nhìn tổng thể, mức bình thường: 82,4%.

Mức độ ảnh hưởng của thủ trưởng cơ quan/tổ chức sẽ hưởng thụ KQNC

Nhìn tổng thể, đa số người trả lời đã khẳng định: chưa có nội dung yếu tố này.

Qua trao đổi trực tiếp, các đại diện lãnh đạo đều tin tưởng rằng: Yếu tố này sẽ phát huy ảnh hưởng tốt trong giai đoạn sắp tới, khi mà vai trò quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở được đề cao.

2.5.2. Yếu tố khách quan cơ bản

Mức độ ảnh hưởng của ý thức BD, TBD

Nhìn tổng thể, 35,9% khẳng định chưa có nội dung của yếu tố này; 30,5% mức độ ảnh hưởng ít, 29,8% ảnh hưởng ở mức bình thường, 3,8% không trả lời.

Theo ý kiến của đại diện lãnh đạo, mức độ ảnh hưởng của yếu tố BD, TBD sẽ tự động có mức ảnh hưởng cao nếu các CSBD CBQLGD làm tốt công tác kế hoạch và có các giải pháp cụ thể trong việc động viên, khuyến khích các cá nhân/tập thể trong NCKH.

Mức độ ảnh hưởng của chính sách thi đua, khen thưởng

Nhìn tổng thể, 74,8% khẳng định chưa có nội dung của yếu tố này; 22,1% khẳng định ảnh hưởng ít, 3,1% không trả lời.

Phỏng vấn những cá nhân có liên quan đến hoạt động thi đua, khen thưởng, nguyên nhân cơ bản là: Lãnh đạo chưa quan tâm đến hoạt động thi đua, khen thưởng một cách thực chất; Lãnh đạo chưa coi thi đua, khen thưởng chính là công cụ hữu hiệu trong việc khơi dậy lòng ham mê NCKH đang tiềm ẩn trong mỗi cán bộ, giảng viên và các nhà khoa học thuộc cơ sở mình.

Mức độ ảnh hưởng của việc ưu tiên cho các đề tài NCKH cấp cơ sở theo hướng NCKH SPUD

Nhìn tổng thể, yếu tố này chưa có: 97,7% người trả lời đã khẳng định.

Mức độ ảnh hưởng của chính sách tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ khoa học

Nhìn tổng thể, 67,2% người trả lời chưa có nội dung của yếu tố này.

Phỏng vấn những cá nhân có liên quan và nhận thức trong thực tế công tác, thực trạng này là hệ quả của nhận thức chưa đầy đủ về việc sử dụng con người trong từng công việc cụ thể.

Mức độ ảnh hưởng của hệ thống thông tin quản lý

76,3% người trả lời đã khẳng định chưa có nội dung của yếu tố xây dựng hệ thống thông tin quản lý và 27,3% cho rằng có nội dung này nhưng mức độ ảnh hưởng ít. Qua phỏng vấn sâu, có thực trạng này là do: các CSBD CBQLGD mới chỉ dừng lại ở việc quản lý các KQNC dưới dạng các báo cáo chính và báo cáo tóm tắt, chưa xây dựng các phần mềm để quản lý quá trình nghiên cứu và quản lý KQNC.

Mức độ ảnh hưởng của sự gắn kết giữa giảng dạy với NCKH

Nhìn tổng thể, mức độ ít: 52,7%; chưa có nội dung của yếu tố: 40,5%.

Phỏng vấn sâu đại diện lãnh đạo đã khẳng định: có thực trạng này là một tất yếu; thực trạng này rất khó khắc phục và không phải chỉ ở các CSBD CBQLGD.

Mức độ ảnh hưởng của thái độ tích cực khi tham gia NCKH

Nhìn tổng thể, chưa có nội dung của yếu tố này: 54,2% đã khẳng định; 25,2% khẳng định ảnh hưởng ở mức bình thường và 20,6% cho là có ảnh hưởng ít.

Mức độ ảnh hưởng của cơ sở vật chất, trang thiết bị và việc hỗ trợ kinh phí

Nhìn tổng thể, có ảnh hưởng nhiều: 29%; ảnh hưởng bình thường: 26,7%; ảnh hưởng ít: 10,7%; Chưa có yếu tố này: 33,6%.

Qua trao đổi với đại diện lãnh đạo bộ phận chuyên trách NCKH và bộ phận Kế hoạch-Tài chính của các CSBD CBQLGD, những điểm nhấn quan trọng được khái quát như sau: Chưa CSBD CBQLGD nào có ý tưởng hỗ trợ kinh phí cho các đề tài NCKH cấp cơ sở; việc giải ngân thông qua các hợp đồng với các nhà khoa học chiếm khoảng 60% kinh phí của đề tài (theo thuyết minh nghiên cứu); việc chuyển tiền cho các nhà khoa học sau khi ký hợp đồng được thực hiện theo quy định tài chính hiện hành.

Mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng KQNC đề tài NCKH cấp cơ sở vào thực tiễn

Nhìn tổng thể, ở mức ít: 51,1%; số còn lại khẳng định: Chưa có nội dung yếu tố này.

Qua phỏng vấn sâu các chuyên gia, tất cả mọi người đều khẳng định: Trong kế hoạch hằng năm, CSBD CBQLGD chưa có hạng mục áp dụng KQNC của đề tài cấp cơ sở vào thực tiễn trong kế hoạch hằng năm. Khi TVXD vấn đề nghiên cứu cũng như TVTC thuyết minh đề tài NCKH cấp cơ sở chưa quan tâm nhiều đến khả năng ứng dụng KQNC vào thực tế. Lý do lớn nhất của thực tế này là do: Kinh phí dành cho các đề tài NCKH cấp cơ sở quá ít, nên đa phần chỉ quan tâm đến sự logic của phiếu đề xuất, thuyết minh nghiên cứu và báo cáo tổng kết.

2.6. Đánh giá thực trạng quản lý NCKH tại các CSBD CBQLGD

2.6.1. Những ưu điểm

Các CSBD CBQLGD đều phân công một cá nhân (kiêm nhiệm) hoặc thành lập một tổ chức trong đơn vị; Điều xác định trong cơ sở mình: NCKH là trách nhiệm của các giảng viên, các cán bộ nghiên cứu và là hình thức tự nâng cao trình độ chuyên môn; Điều có ý tưởng đưa NCKH và quản lý NCKH vào hệ thống thi đua trong cơ sở của mình. Trong điều kiện cụ thể của mình, các CSBD CBQLGD đều tạo điều kiện về cơ sở vật chất và hỗ trợ về kinh phí cho NCKH.

Trong quản lý việc thực hiện các đề tài NCKH cấp cơ sở:

Các quá trình cụ thể trong quản lý các đề tài NCKH cấp cơ sở đã được các CSBD CBQLGD tiến hành tương đối khách quan và đang dần dần quy trình hóa nhằm phát huy tinh thần trách nhiệm và sáng tạo của người nghiên cứu.

Các đề tài NCKH cấp cơ sở đã tập trung vào cải thiện nội dung và phương pháp giảng dạy trong đơn vị mình.

2.6.2. Những hạn chế

Chưa hoàn thiện các quy trình trong quá trình quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở; Chưa ban hành các quy định để ràng buộc, động viên và khuyến khích các giảng viên/nhà khoa học nhằm phát triển các nhiệm vụ NCKH; Chưa tổ chức tốt mối quan hệ phối hợp giữa các chủ thể trong quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở; Chưa giải quyết mối quan hệ giữa giảng dạy với việc thực hiện các nhiệm vụ NCKH; Chưa đầu tư mạnh mẽ về cơ sở vật chất và hỗ trợ kinh phí cho việc thực hiện các đề tài NCKH cấp cơ sở; Chưa có kế hoạch và kinh phí để áp dụng KQNC của đề tài cấp cơ sở vào thực tiễn.

2.6.3. Nguyên nhân của những hạn chế

- Hằng năm, các CSBD CBQLGD chưa chủ động đưa ra các vấn đề nghiên cứu có tính ưu tiên; chưa chú ý và định hướng tới các đề tài mang tính ứng dụng phục vụ công tác quản lý và công tác giảng dạy; chưa thống nhất được một quy trình mang tính ổn định và khách quan ở từng quá trình cụ thể trong quản lý.

- Các nhà nghiên cứu hay các giảng viên chọn những hoạt động thiên về sự nỗ lực của cá nhân như: Viết bài báo, viết giáo trình hoặc thành viên tham gia nghiên cứu, hướng dẫn người học... để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của mình.

- Chưa quán triệt sâu sắc, đúng và đầy đủ hoạt động thi đua, khen thưởng trong NCKH ở đơn vị mình; Còn CSBD CBQLGD chưa ban hành được quy chế về NCKH cho đơn vị mình; Còn CSBD CBQLGD phân công người chịu trách nhiệm về NCKH ở hình thức công tác kiêm nhiệm; Đa số các CSBD CBQLGD chưa tìm được nguồn kinh phí từ doanh nghiệp và xã hội phục vụ cho NCKH.

Kết luận chương 2

Khi khảo sát thực trạng NCKH, thực trạng quản lý NCKH, đặc biệt là thực trạng quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD, kết hợp phỏng vấn sâu, ngoài những ưu điểm, có thể khái quát những yếu điểm cụ thể từ năm 2010 đến 2013 tại các CSBD CBQLGD như sau:

- Ở các CSBD CBQLGD việc triển khai các đề tài NCKH còn ít. Các đề tài đã triển khai chưa đáp ứng được hoạt động quản lý, chưa mang tính ứng dụng cao.

- Sức ép trong công tác giảng dạy lớn và các CSBD CBQLGD chưa chủ động đầu tư kinh phí cho các đề tài NCKH.

- Có sự mất cân đối giữa hai nhiệm vụ: giảng dạy và NCKH. Đa số các giảng viên đã lựa chọn cách hoàn thành NCKH không cần thông qua việc thực hiện các đề tài NCKH.

- Tất cả các CSBD CBQLGD chưa triển khai nghiên cứu theo hướng NCKH SPUD, chưa thực hiện việc kiểm tra đột xuất trong quá trình quản lý.

Khi khảo sát thực trạng quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở, kết hợp phỏng vấn sâu, có thể khái quát những yếu điểm cụ thể trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2013 tại các CSBD CBQLGD là:

- Chưa quản lý các đề tài NCKH cấp cơ sở theo quy trình phù hợp với điều kiện của từng CSBD CBQLGD (đã xuất hiện ở Học viện Quản lý giáo dục, tuy nhiên, tất cả các quy trình trong quá trình quản lý chưa được công khai).

- Vai trò, trách nhiệm của thủ trưởng các CSBD CBQLGD và thủ trưởng cơ quan/tổ chức sẽ thụ hưởng KQNC trong việc định hướng vấn đề nghiên cứu và xem xét các nội dung phiếu đề xuất vấn đề nghiên cứu cũng như nội dung thuyết minh đề tài NCKH cấp cơ sở, kết hợp phỏng vấn sâu, kết quả cho thấy, *còn mờ nhạt*.

- Sự ảnh hưởng của yếu tố chủ quan: Chủ thể quản lý trong việc định hướng vấn đề nghiên cứu hằng năm và tổ chức thi đua, khen thưởng trong NCKH còn mờ nhạt. Ảnh hưởng của chủ nhiệm đề tài là rất lớn tới KQNC đề tài NCKH cấp cơ sở. Tổ trưởng tổ kiểm tra và Chủ tịch Hội đồng đánh giá, nghiệm thu chỉ ảnh hưởng ở mức bình thường. Thủ trưởng cơ quan/tổ chức sẽ thụ hưởng KQNC hầu như chưa có ảnh hưởng tới KQNC đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD. Sự tương tác giữa các chủ thể khi thực hiện chức năng quản lý của mình trong quá trình quản lý thông qua các quá trình cụ thể *còn nhiều hạn chế, chưa bảo đảm sự công khai, minh bạch*.

- Về ảnh hưởng của các yếu tố khách quan: Chưa có chính sách cụ thể trong hoạt động BD, TBD; Chưa sử dụng sức mạnh của thi đua, khen thưởng trong nghiên cứu khoa học; Chưa có chính sách ưu tiên cho các đề tài NCKH cấp cơ sở theo hướng NCKH SPUD phục vụ công tác quản lý và giảng dạy; Chưa có các chính sách tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ khoa học; Chưa

sử dụng sức mạnh của hệ thống thông tin quản lý trong nghiên cứu khoa học; Chưa giải quyết hợp lý việc thực hiện hai nhiệm vụ quan trọng của giảng viên: giảng dạy và NCKH; Chưa tạo ra thái độ tích cực trong NCKH; Chưa thực hiện việc hỗ trợ kinh phí cho đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở; Chưa có kế hoạch và kinh phí để áp dụng KQNC của đề tài cấp cơ sở vào thực tiễn.

Chương 3

GIẢI PHÁP QUẢN LÝ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TẠI CÁC CƠ SỞ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

3.1. Định hướng các giải pháp đề xuất

3.1.1. Góp phần thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN và Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020

3.1.2. Ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ NCKH phục vụ công tác quản lý giáo dục và công tác giảng dạy thuộc chức năng, nhiệm vụ của CSBD CBQLGD

Trước mắt các CSBD CBQLGD cần phải:

- Bảo đảm các đề tài NCKH cấp cơ sở đều có địa chỉ ứng dụng trong việc phục vụ công tác quản lý giáo dục và công tác giảng dạy.

- Tập trung vào việc: Nâng cao vai trò, trách nhiệm của chủ thể quản lý thông qua việc hoàn thiện các cơ chế, chính sách trong NCKH.

- Hoàn thiện các quy trình cụ thể cũng như phát triển mối quan hệ giữa chủ thể quản lý với các chủ thể có liên quan trong quá trình thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD

3.2. Nguyên tắc đề xuất các giải pháp

Bảo đảm tính công khai, minh bạch và cạnh tranh lành mạnh: Mọi giải pháp phải được công bố trước khi thực hiện; Có căn cứ khoa học và toàn diện: Các giải pháp phải dựa trên các cơ sở lý luận về quản lý NCKH; Có tính khả thi: Các giải pháp có khả năng áp dụng được tại các CSBD CBQLGD; Bảo đảm tính thống nhất: Các giải pháp không được vi phạm các quy định khác của CSBD CBQLGD và của cấp có thẩm quyền cao hơn về quản lý NCKH; Đúng thẩm quyền: Các giải pháp phải đúng và phù hợp với thẩm quyền của các chủ thể; Có tính kế thừa: Các giải pháp phải bảo đảm sự kế thừa có chọn lọc phù hợp và không gây bất ổn trong các CSBD CBQLGD; Tính kinh tế và tính hiệu quả cao: Các giải pháp phải luôn hướng tới việc áp dụng KQNC vào thực tiễn.

3.3. Các giải pháp đề xuất

3.3.1. Giải pháp 1: Nâng cao vai trò, trách nhiệm của chủ thể quản lý thông qua việc hoàn thiện các cơ chế, chính sách trong NCKH

Mục tiêu của giải pháp:

Nhằm gợi ý chủ thể quản lý tìm ra cách thức thể hiện vai trò, trách nhiệm của mình (thực hiện các chức năng) trong quản lý NCKH tại CSBD CBQLGD một cách công khai, minh bạch và đúng trách nhiệm.

Nội dung và cách thực hiện:

Sau khi đã báo cáo với cấp trên và công bố kế hoạch NCKH trong năm/giai đoạn, chủ thể quản lý cần hiện thực hóa kế hoạch này và thực hiện vai trò, trách nhiệm của mình thể hiện qua các hành động cụ thể.

3.3.1.1. Ban hành/chỉnh sửa Quy chế nghiên cứu khoa học.

3.3.1.2. Ban hành quy định về thi đua, khen thưởng trong NCKH.

3.3.1.3. Ban hành quy định tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ khoa học.

3.3.1.4. Ban hành quy định để có hệ thống thông tin quản lý nhằm tạo môi trường thuận lợi trong NCKH (Có ví dụ minh họa cấu trúc, các yêu cầu khi nhập dữ liệu và nguyên tắc khi truy xuất dữ liệu trong phần mềm quản lý NCKH).

3.3.1.5. Ban hành quy định nhằm tạo ra thái độ tích cực khi tham gia NCKH.

3.3.1.6. Giải quyết mối quan hệ giữa giảng dạy với việc thực hiện NCKH của giảng viên.

3.3.1.7. Tăng cường cơ sở vật chất và hỗ trợ kinh phí trong việc thực hiện nghiên cứu khoa học.

Điều kiện để vai trò của các chủ thể có thể thực hiện:

CSBD CBQLGD phải có người chuyên trách quản lý việc thực hiện các đề tài NCKH một cách ổn định, lâu dài; CSBD CBQLGD phải có những quy định cụ thể về trách nhiệm của các chủ nhiệm đề tài và quy định nhằm xử lý (khen thưởng, nhắc nhở hay kỷ luật) các cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện và quản lý; CSBD CBQLGD phải sử dụng phần mềm ứng dụng để quản lý, so sánh các hoạt động của các chủ thể quản lý; Kiểm tra hay đánh giá, nghiệm thu đề tài NCKH phải theo đúng quy định trên tinh thần khoa học, cởi mở, công bằng và có trách nhiệm.

3.3.2. Giải pháp 2: Hoàn thiện các quy trình cụ thể trong quá trình quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD

Mục tiêu của giải pháp:

Nhằm hoàn thiện quy trình cụ thể khi quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD...

Nội dung và cách thực hiện:

3.3.2.1: Hoàn thiện quy trình quản lý TVXD vấn đề nghiên cứu

Trên cơ sở các quy định của cơ quan quản lý cấp trên, kinh nghiệm ở các cơ sở giáo dục đặc biệt là các CSBD CBQLGD, hoàn thiện quy trình TVXD vấn đề nghiên cứu sao cho đạt được các nội dung: Có định hướng nghiên cứu trong năm; Có tổ chức viết phiếu đề xuất vấn đề nghiên cứu; Có quy định trách nhiệm khi thực hiện việc tập hợp, xử lý các đề xuất đề tài NCKH chuẩn bị cho phiên họp của Hội đồng KH&ĐT; Có cuộc họp Hội đồng KH&ĐT để trao đổi và chính thức chấm điểm theo thang điểm đã được thống nhất tạo cơ sở tư vấn tham mưu cho thủ trưởng các CSBD CBQLGD các nhiệm vụ nghiên cứu cấp cơ sở trong năm/giai đoạn (Có ví dụ minh họa một bảng chấm điểm).

3.3.2.2: Hoàn thiện quy trình quản lý TVTC thuyết minh

Trên cơ sở các vấn đề nghiên cứu trong năm đã được xác định, trên cơ sở các quy định của cơ quan quản lý cấp trên, kinh nghiệm ở các cơ sở giáo dục đặc

biệt là các CSBD CBQLGD, hoàn thiện quy trình TVTC thuyết minh nghiên cứu sao cho đạt được các nội dung: Tổ chức đề các giảng viên/cán bộ khoa học/tổ chức NCKH tham gia viết thuyết minh theo mẫu thống nhất; Có quy định trách nhiệm khi thực hiện việc tập hợp, xử lý các thuyết minh nghiên cứu chuẩn bị cho phiên họp của Hội đồng KH&ĐT; Có cuộc họp Hội đồng KH&ĐT (Có ví dụ minh họa một bảng chấm điểm).

3.3.2.3: Hoàn thiện quy trình quản lý triển khai nghiên cứu và kiểm tra

Khi thuyết minh đề tài NCKH cấp cơ sở được thủ trưởng các CSBD CBQLGD chấp nhận, trên cơ sở các quy định của cơ quan quản lý cấp trên, kinh nghiệm ở các cơ sở giáo dục đặc biệt là các CSBD CBQLGD, hoàn thiện quy trình triển khai nghiên cứu và kiểm tra sao cho đạt được các nội dung: Tổ chức đề các giảng viên/cán bộ khoa học/tổ chức NCKH chỉnh sửa lại thuyết minh nghiên cứu theo ý kiến kết luận của Hội đồng KH&ĐT; Có quy định trách nhiệm trong việc soạn thảo họp đồng nghiên cứu và trình lãnh đạo đơn vị ký hợp đồng nghiên cứu cùng thuyết minh nghiên cứu; Có quy định trách nhiệm trong việc hướng dẫn nhóm nghiên cứu tiến hành các thủ tục thực hiện các hợp đồng giữa chủ nhiệm đề tài với các nhà khoa học và phương pháp chuyên kinh phí chi trả cho các hợp đồng và các hoạt động khác của nhóm nghiên cứu; Có quy định trách nhiệm trong việc thành lập tổ kiểm tra việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và ấn định thời gian và điều kiện cho việc kiểm tra; Có quy định trách nhiệm của chủ nhiệm đề tài trong việc làm báo cáo kiểm tra (theo mẫu), chuẩn bị các sản phẩm, hồ sơ đã thực hiện trong quá trình nghiên cứu để trình với đoàn/tổ kiểm tra; Quy định trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của tổ kiểm tra.

3.3.2.4: Hoàn thiện quy trình quản lý đánh giá, nghiệm thu

Sắp đến thời hạn đánh giá, nghiệm thu (theo hợp đồng nghiên cứu), trên cơ sở các quy định của cơ quan quản lý cấp trên, kinh nghiệm ở các cơ sở giáo dục đặc biệt là các CSBD CBQLGD, hoàn thiện quy trình quản lý đánh giá, nghiệm thu sao cho đạt được các nội dung: Ban hành Thông báo lịch trình đánh giá nghiệm thu; Có quy định trách nhiệm trong việc chuẩn bị các thủ tục để thành lập Hội đồng đánh giá, nghiệm thu đúng thành phần như đã quy định về cả hai mặt: Quản lý nhà nước và năng lực thấu hiểu về nội dung nghiên cứu của đề tài/nhiệm vụ sắp đánh giá, nghiệm thu; Có quy định trách nhiệm trong việc thực hiện các thủ tục và các điều kiện để Hội đồng đánh giá, nghiệm thu được tiến hành một cách bình thường theo đúng quy định và đúng quy trình của phiên họp đánh giá, nghiệm thu; Có quy định trách nhiệm trong việc quản lý để xử lý các kết quả do chủ nhiệm đề tài phải thực hiện theo kết luận của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu và báo cáo với cấp trên có thẩm quyền theo quy định (Có ví dụ minh họa một bảng chấm điểm).

3.3.2.5: Hoàn thiện quy trình quản lý thực hiện quyền tác giả và quyền sở hữu KQNC

Sau khi có kết luận đánh giá, nghiệm thu đề tài NCKH cấp cơ sở (KQNC được chấp nhận), trên cơ sở các quy định của cơ quan quản lý cấp trên, kinh

nghiệm ở các cơ sở giáo dục đặc biệt là các CSBD CBQLGD, hoàn thiện quy trình thực hiện quyền tác giả và quyền sở hữu KQNC sao cho đạt được các nội dung: Về trách nhiệm quản lý việc chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu chỉnh sửa theo ý kiến kết luận của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu: Quy định thời gian chỉnh sửa sau khi Hội đồng đánh giá, nghiệm thu chấp nhận KQNC; Về phân công cá nhân trong bộ phận chuyên trách NCKH kiểm tra việc chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu; Về trách nhiệm trong việc nhập các thông tin (như đã quy định) vào phần mềm lưu giữ để quản lý và khai thác cũng như việc chứng thực chủ nhiệm đề tài đã nộp sản phẩm (gồm các sản phẩm chính và đĩa mềm lưu giữ các sản phẩm chính) nhằm thực hiện quyền sở hữu KQNC; Có văn bản chứng nhận nhóm nghiên cứu đã thực hiện xong đề tài nghiên cứu nhằm thực hiện quyền tác giả.

3.3.2.6: Hoàn thiện quy trình quản lý áp dụng KQNC vào thực tiễn

Ngoài việc tiến hành các thủ tục để thực hiện quyền sở hữu đối với các KQNC đã được Hội đồng đánh giá, nghiệm thu công nhận, trên cơ sở các quy định của cơ quan quản lý cấp trên, kinh nghiệm ở các cơ sở giáo dục đặc biệt là các CSBD CBQLGD, hoàn thiện quy trình quản lý áp dụng KQNC vào thực tiễn sao cho đạt được các nội dung: Về trách nhiệm tiến hành các thủ tục để có được Hợp đồng giữa các CSBD CBQLGD với chủ nhiệm đề tài và cơ quan/tổ chức sẽ thụ hưởng KQNC: Bộ phận chuyên trách NCKH rà soát kế hoạch triển khai ứng dụng KQNC của đề tài NCKH; Thủ trưởng các CSBD CBQLGD thống nhất với chủ nhiệm đề tài và cơ quan/tổ chức sẽ thụ hưởng KQNC của đề tài cấp cơ sở những nội dung của KQNC sẽ được áp dụng và tiến hành ký kết Hợp đồng giữa các CSBD CBQLGD với chủ nhiệm đề tài và cơ quan/tổ chức sẽ thụ hưởng KQNC; Quy định trách nhiệm quản lý nhóm nghiên cứu trong quá trình triển khai theo Hợp đồng đưa một số KQNC vào thực tiễn: Cử người trong bộ phận chuyên trách NCKH trực tiếp theo dõi quá trình triển khai Hợp đồng.

Điều kiện để có thể thực hiện được việc hoàn thiện các quy trình:

Hàng năm CSBD CBQLGD phải công bố các hướng nghiên cứu cho toàn thể đội ngũ; CSBD CBQLGD phải có những quy định nhằm động viên, khuyến khích các giảng viên, các nhà khoa học tham gia đề xuất các ý tưởng khoa học có giá trị thực tiễn và tham gia viết các thuyết minh nghiên cứu khoa học theo các vấn đề đã lựa chọn và tuyên bố; Phải tạo ra sự khách quan, công bằng trong quá trình tuyển chọn các thuyết minh nghiên cứu theo cách: Tăng khả năng định lượng đối với các tiêu chí đánh giá bên cạnh việc đánh giá định tính về khả năng nghiên cứu của các nhóm nghiên cứu; Trong khi xem xét vấn đề nghiên cứu và thuyết minh nghiên cứu, bộ phận chuyên trách NCKH và Hội đồng khoa học và đào tạo phải quan tâm đánh giá tới mục “Tổng quan vấn đề nghiên cứu”, “Sản phẩm dự kiến” và “Hiệu quả dự kiến”, phải coi các mục này là các mục quan trọng khi cho điểm đánh giá; Có những quy định cụ thể về các thủ tục, nhiệm vụ và trách nhiệm của cả người nghiên cứu, người quản lý trong quá trình triển khai nghiên

cứu và người kiểm tra quá trình nghiên cứu cùng với những quy định để xử lý (khen thưởng, nhắc nhở hay kỷ luật) đối với các nhóm nghiên cứu và những người quản lý trong quá trình này; CSBD CBQLGD phải cụ thể hóa các tiêu chí chấm điểm một cách tường minh, phù hợp với từng loại đề tài NCKH cấp cơ sở khi tiến hành quá trình đánh giá, nghiệm thu; Bộ phận chuyên trách NCKH phải cân nhắc trong việc tham mưu lựa chọn các thành viên trong Hội đồng đánh giá, nghiệm thu vừa khách quan vừa phù hợp với nội dung mà đề tài khoa học đã nghiên cứu; CSBD CBQLGD phải xây dựng phần mềm ứng dụng để quản lý NCKH và lưu giữ các KQNC nhằm tuyên truyền, so sánh, báo cáo và bảo hộ quyền tác giả các sản phẩm nghiên cứu khoa học đã được đánh giá, nghiệm thu thành công; Trong kế hoạch của bộ phận chuyên trách NCKH phải có nội dung đưa các KQNC của các đề tài vào giải quyết một trong các bất cập trong thực tiễn cuộc sống.

3.3.3. Giải pháp 3: Phát triển mối quan hệ giữa chủ thể quản lý và các chủ thể có liên quan trong quá trình thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD

Mục tiêu của giải pháp:

Gợi mở và định hướng những nội dung cơ bản để chủ thể quản lý cũng như các chủ thể có liên quan phát triển mối quan hệ trong quá trình thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD nhằm tạo ra sự công khai, minh bạch trong quản lý và là cơ sở quan trọng để các KQNC của đề tài NCKH cấp cơ sở áp dụng được vào thực tiễn.

Nội dung và cách thực hiện

Phát triển mối quan hệ pháp lý trong quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở

Chủ thể quản lý – Thủ trưởng CSBD CBQLGD

3.3.3.1. Định hướng và chỉ đạo các lực lượng tham gia nghiên cứu viết phiếu đề xuất vấn đề nghiên cứu và xây dựng/điều chỉnh các tiêu chí phù hợp kèm theo hệ điểm để tăng tính định lượng trong đánh giá.

3.3.3.2. Xác định và công bố vấn đề nghiên cứu được xét chọn theo từng năm/giai đoạn và xây dựng/điều chỉnh các tiêu chí phù hợp kèm theo hệ điểm để lựa chọn thuyết minh nghiên cứu đối với các vấn đề nghiên cứu được tuyển chọn; Ký thuyết minh nghiên cứu và hợp đồng nghiên cứu.

3.3.3.3. Ký thành lập tổ kiểm tra và Hội đồng đánh giá, nghiệm thu đúng thành phần theo quy định và xây dựng/điều chỉnh các tiêu chí phù hợp kèm theo hệ điểm để Hội đồng đánh giá, nghiệm thu có cơ sở đánh giá đúng, công bằng đối với các KQNC.

3.3.3.4. Chỉ đạo tiến hành các thủ tục thực hiện quyền tác giả và quyền sở hữu KQNC cũng như các thủ tục để đưa các KQNC vào thực tiễn.

3.3.3.5. Ban hành quy định ưu tiên cho các đề tài theo hướng NCKH SPUD phục vụ công tác quản lý và giảng dạy.

Chủ nhiệm đề tài NCKH cấp cơ sở

Khi thuyết minh đã được thủ trưởng CSBD CBQLGD chấp nhận, chủ nhiệm đề tài thực hiện vai trò, trách nhiệm của mình thông qua:

3.3.3.6. Chỉnh sửa lại thuyết minh nghiên cứu. Đặc biệt chú ý ở mục: Tổng quan vấn đề nghiên cứu; Nội dung nghiên cứu và tiến độ thực hiện; Sản phẩm dự kiến; Hiệu quả dự kiến; Dự toán chi tiết việc phân bổ kinh phí; Ký kết hợp đồng nghiên cứu với các CSBD CBQLGD và ký kết hợp đồng với các nhà khoa học theo nội dung đã được phê duyệt.

3.3.3.7. Có kế hoạch chi tiết, cụ thể (về nội dung, thời gian thực hiện và kinh phí) để có thể thực thi được các Hợp đồng NCKH đúng tiến độ; Có trách nhiệm báo cáo KQNC với cơ quan có thẩm quyền theo đúng Hợp đồng nghiên cứu hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên.

3.3.3.8. Thực hiện đúng, đủ các thủ tục, các yêu cầu về mặt hành chính, các yêu cầu về KQNC với các cơ quan/tổ chức quản lý; Có trách nhiệm trong việc chuyển giao KQNC và áp dụng KQNC vào giải quyết những tồn tại trong thực tiễn.

Tổ trưởng tổ kiểm tra

Khi có quyết định của cấp có thẩm quyền, tổ trưởng tổ kiểm tra thực hiện vai trò, trách nhiệm của mình thông qua:

3.3.3.9. Tổ trưởng tổ kiểm tra dựa vào các sản phẩm nghiên cứu đã có, nội dung đăng ký trong thuyết minh nghiên cứu và kết quả báo cáo của chủ nhiệm đề tài cùng các ý kiến của các thành viên trong tổ kiểm tra khẳng định về mặt tiến độ nghiên cứu của nhóm nghiên cứu.

3.3.3.10. Tổ trưởng tổ kiểm tra cùng các thành viên trong tổ kiểm tra phải tháo gỡ những vướng mắc cho nhóm nghiên cứu.

Chủ tịch Hội đồng đánh giá, nghiệm thu đề tài NCKH cấp cơ sở

Khi có quyết định của cấp có thẩm quyền, Chủ tịch Hội đồng đánh giá, nghiệm thu đề tài NCKH cấp cơ sở thực hiện vai trò, trách nhiệm của mình thông qua:

3.3.3.11. Phải lãnh đạo Hội đồng đánh giá, nghiệm thu tiến hành đúng quy định.

3.3.3.12. Phải lãnh đạo Hội đồng đánh giá, nghiệm thu đánh giá công bằng và chính xác khi cho điểm.

Thủ trưởng cơ quan/tổ chức sẽ thụ hưởng KQNC của các đề tài NCKH cấp cơ sở

Với tư cách tư vấn, tham mưu và giám sát quá trình thực hiện đề tài NCKH, thủ trưởng cơ quan/tổ chức sẽ thụ hưởng KQNC thực hiện vai trò, trách nhiệm của mình thông qua:

3.3.3.13. Hằng năm, phải có những định hướng vấn đề nghiên cứu với các cơ sở nghiên cứu mà mình kỳ vọng sẽ thụ hưởng KQNC – như một đơn đặt hàng (rất cụ thể và tường minh). Chủ động tham gia và góp ý cho các CSBD CBQLGD và nhóm nghiên cứu từ lúc xác định vấn đề nghiên cứu, lựa chọn và chỉnh sửa thuyết minh; Trong quá trình kiểm tra và đánh giá, nghiệm thu; Trong quá trình thực hiện quyền tác giả và quyền sở hữu KQNC cũng như áp dụng KQNC vào thực tiễn.

3.3.3.14. Bằng khả năng của mình và yêu cầu của cá nhân/tổ chức nghiên cứu, cơ quan/tổ chức sẽ thụ hưởng kết quả nghiên cứu khoa học cần hỗ trợ cho cá nhân/tổ chức nghiên cứu về kinh phí, cơ sở vật chất, các điều kiện khác dưới dạng Hợp đồng nghiên cứu một cách cụ thể, tường minh. Thường xuyên chia sẻ về kinh nghiệm thực tiễn và giám sát tất cả các quá trình thực hiện đề tài NCKH.

Phát triển mối quan hệ tương tác giữa chủ thể quản lý và các chủ thể có liên quan trong nhiệm vụ quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở

3.3.3.15. Khi quản lý đầu vào, có hai quy trình cụ thể.

Chủ thể quản lý và hai chủ thể có liên quan là chủ nhiệm đề tài và thủ trưởng cơ quan/tổ chức sẽ thụ hưởng KQNC cần tương tác với nhau khi thực hiện chức năng quản lý của mình theo các tiêu chí:

Quản lý TVXD vấn đề nghiên cứu và quản lý TVTC thuyết minh nghiên cứu có tiến hành theo qui trình không và qui trình đó đã được công bố công khai chưa?; Kết quả của hai quá trình cụ thể này có sử dụng điểm số để quyết định hay không và hệ điểm đánh giá đã được công khai chưa?; Đã có các chính sách, các qui định nào để ràng buộc, động viên và khuyến khích đội ngũ trong hai quá trình cụ thể này?; Đã có phần mềm công nghệ thông tin để quản lý và khai thác lịch sử của hai quá trình cụ thể này chưa? Các nội dung chính cần quản lý bao gồm: Tên vấn đề/đề tài? Tính cấp thiết/tổng quan nghiên cứu? Mục tiêu, nội dung chính/phương pháp, tiến độ? Sản phẩm và kết quả dự kiến? Hiệu quả dự kiến? Kinh phí và sự phân bổ kinh phí?

3.3.3.16. Khi quản lý sự biến đổi, có hai quá trình cụ thể

Với quá trình quản lý triển khai nghiên cứu và kiểm tra, chủ thể quản lý và ba chủ thể có liên quan (chủ nhiệm đề tài, tổ trưởng tổ kiểm tra và thủ trưởng cơ quan/tổ chức sẽ thụ hưởng KQNC) cần tương tác với nhau khi thực hiện chức năng quản lý của mình theo các tiêu chí:

Quản lý triển khai nghiên cứu và kiểm tra có tiến hành theo qui trình không và qui trình đó đã được công bố công khai chưa?; Thành viên của tổ kiểm tra đã đúng như qui định chưa?; Đã có các chính sách, các qui định nào để ràng buộc, động viên và khuyến khích đội ngũ trong quá trình cụ thể này? Đã có phần mềm công nghệ thông tin để quản lý và khai thác lịch sử của quá trình cụ thể này chưa?; Các nội dung chính cần quản lý bao gồm: Thuyết minh nghiên cứu đã được chỉnh sửa đúng như yêu cầu của Hội đồng KH&ĐT chưa? Các hợp đồng giữa chủ nhiệm đề tài với các nhà khoa học? Các KQNC đã đạt được? Tiến độ? Việc giải ngân và thanh, quyết toán? Những vướng mắc và đề nghị của nhóm nghiên cứu?

Với quá trình quản lý đánh giá, nghiệm thu, chủ thể quản lý và ba chủ thể có liên quan (chủ nhiệm đề tài, chủ tịch Hội đồng đánh giá, nghiệm thu và thủ trưởng cơ quan/tổ chức sẽ thụ hưởng KQNC) cần tương tác với nhau khi thực hiện chức năng quản lý của mình theo các tiêu chí:

Quản lý đánh giá, nghiệm thu có tiến hành theo qui trình không và qui trình đó đã được công bố công khai chưa?; Thành viên của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu đã đúng như qui định chưa?; Đã có các chính sách, các qui định nào để ràng buộc, động viên và khuyến khích đội ngũ trong quá trình cụ thể này?; Đã có phần mềm công nghệ thông tin để quản lý và khai thác lịch sử của quá trình cụ thể này chưa?; Các nội dung chính cần quản lý bao gồm: Đã kiểm tra để hoàn thiện các hồ sơ chính và các thủ tục chính trước khi ký thành lập Hội đồng đánh giá,

nghiệm thu chưa? Điều kiện để Hội đồng đánh giá, nghiệm thu có thể tiến hành phiên họp? Đã kiểm tra các hồ sơ sau khi Hội đồng đánh giá, nghiệm thu tiến hành xong phiên họp? Đã kiểm tra sự hoàn thiện các sản phẩm chính và các thủ tục chính của chủ nhiệm đề tài sau phiên họp? Cách xử lý kết quả sau phiên họp?

3.3.3.17. Khi quản lý đầu ra, có hai quá trình cụ thể.

Với quá trình quản lý thực hiện quyền tác giả và quyền sở hữu KQNC, chủ thể quản lý và hai chủ thể có liên quan (chủ nhiệm đề tài và thủ trưởng cơ quan/tổ chức sẽ thụ hưởng KQNC) cần tương tác với nhau khi thực hiện chức năng quản lý của mình theo các tiêu chí đã được qui định.

Các nội dung chính cần quản lý bao gồm: Các thủ tục để có thể tiến hành quyền sở hữu KQNC? Các thủ tục để có thể công nhận quyền tác giả?

Với quá trình quản lý áp dụng kết quả vào thực tế, chủ thể quản lý và hai chủ thể có liên quan (chủ nhiệm đề tài và thủ trưởng cơ quan/tổ chức sẽ thụ hưởng KQNC – Cơ quan/tổ chức sẽ thụ hưởng KQNC đề tài NCKH cấp cơ sở thường sẽ là: Các doanh nghiệp, các đơn vị trong CSBD CBQLGD, các lớp học do CSBD CBQLGD chịu trách nhiệm quản lý và giảng dạy) cần tương tác với nhau khi thực hiện chức năng quản lý của mình theo các tiêu chí đã được qui định.

Các nội dung chính cần quản lý bao gồm: Có kế hoạch triển khai việc áp dụng KQNC vào thực tế? Các thủ tục triển khai? Kết quả triển khai việc áp dụng KQNC vào thực tế và các giải pháp cho giai đoạn nghiên cứu mới sẽ thế nào?

Điều kiện để giải pháp có thể thực hiện được:

Cơ quan/tổ chức sẽ thụ hưởng kết quả của đề tài NCKH phải thường xuyên quan tâm và chủ động kiểm tra tiến độ nghiên cứu để cùng cá nhân/tổ chức nghiên cứu tháo gỡ các vướng mắc hoặc bổ sung các Hợp đồng cam kết nhằm thu được kết quả nghiên cứu với chất lượng cao; Thủ trưởng CSBD CBQLGD phải chủ động, có trách nhiệm và tuân thủ đúng các qui trình trong quá trình quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở; Thủ trưởng CSBD CBQLGD phải bảo đảm việc ký thành lập tổ kiểm tra và Hội đồng đánh giá, nghiệm thu đúng như qui định, đặc biệt là năng lực quản lý và năng lực thấu hiểu về nội dung nghiên cứu của các thành viên trong tổ kiểm tra/Hội đồng đánh giá, nghiệm thu.

3.4. Khảo nghiệm về sự cần thiết và tính khả thi các giải pháp đề xuất

Số người trả lời đồng thuận cho rằng các giải pháp này cần thiết và rất cần thiết là khá cao: 89,7%, trong đó 56,4% khẳng định là rất cần thiết và 33,3% khẳng định là cần thiết.

Số người trả lời đồng thuận cho rằng các giải pháp này khả thi và rất khả thi là khá cao: 93,1%, trong đó 70,9% khẳng định là rất khả thi và 22,2% khẳng định là khả thi.

3.5. Thực nghiệm xây dựng qui trình TVXD vấn đề nghiên cứu và TVTC thuyết minh đề tài NCKH cấp cơ sở

Sau khi xác định mục đích; Tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực nghiệm; Đối tượng, hình thức thực nghiệm; Địa điểm, thời gian thực nghiệm; Các bước tiến hành thực nghiệm, luận án đã trình bày kết quả thực nghiệm, bao gồm:

- Tháng 5 năm 2014, Giám đốc Học viện Quản lý giáo dục thống nhất thông qua hai qui trình.

- Trước khi ban hành 2 qui trình TVXD vấn đề nghiên cứu và TVTC thuyết minh nghiên cứu, có 71,8% số người trả lời không có lợi ích và sau khi ban hành 2 qui trình này thì 82,1% lại có ý kiến ngược lại: Rất lợi ích và lợi ích cho các nhà quản lý giải thích các hành động của mình.

Khi so sánh tổng % 2 mức độ rất lợi ích và lợi ích ở 2 giai đoạn trước và sau khi ban hành qui trình TVXD vấn đề nghiên cứu và TVTC thuyết minh nghiên cứu đề tài cấp cơ sở tại Học viện Quản lý giáo dục, *kết quả thu được đều cho giá trị dương* (cao nhất là 87,2 và thấp nhất là 20,6). *Kết quả này khẳng định: Giả thuyết thực nghiệm là đúng đắn.*

Bằng cách khác, luận án sử dụng lý thuyết khoa học sư phạm ứng dụng: Do các số liệu có được xuất phát từ “*sự đếm*“, vì vậy, để khẳng định tác động do việc ban hành hai quy trình TVXD vấn đề nghiên cứu và TVTC thuyết minh nghiên cứu là có ý nghĩa phải sử dụng “*phép kiểm chứng khi bình phương*“ để giá trị p và so sánh với giá trị 0,0001.

Qua phỏng vấn sâu, đã khẳng định: Việc xây dựng qui trình hai giai đoạn đầu tiên đã tạo một môi trường tốt cho việc triển khai các đề tài NCKH cấp cơ sở.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận:

Trên cơ sở các khái niệm quản lý đã có, luận án đã đề xuất cách định nghĩa khái niệm quản lý dưới góc độ hướng tới sự tương tác của chủ thể quản lý khi thực hiện vai trò và trách nhiệm của mình. Ngoài ra, luận án đã làm rõ các khái niệm như: CSBD CBQLGD; NCKH tại các CSBD CBQLGD; Đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD; Quản lý NCKH tại các CSBD CBQLGD và quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD.

Trên cơ sở các quy định và thực tiễn khi thực hiện các đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD, luận án đã cụ thể hóa sáu quy trình khi thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD.

Dựa vào tiếp cận quá trình, luận án đã chỉ ra quá trình thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD.

Kết hợp khái niệm quản lý và tiếp cận hệ thống, luận án đã xác định *vai trò, trách nhiệm và các hành động cụ thể* của chủ thể quản lý và các chủ thể có liên quan trong quá trình quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD.

Từ vai trò, trách nhiệm của chủ thể quản lý và các chủ thể có liên quan, để xử lý sáu nội dung quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở.

Luận án đã tiến hành điều tra thực trạng toàn diện về NCKH tại các CSBD CBQLGD từ năm 2010 đến năm 2013, trong đó, đã đặc biệt quan tâm đến hai mảng: Một là, Thực trạng nội dung quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD; Hai là, Thực trạng các yếu tố cơ bản ảnh hưởng tới quá trình quản lý

đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD, bao gồm: Yếu tố chủ quan và các yếu tố khách quan cơ bản.

Luận án đã đề xuất giải pháp thứ 1, đề cập đến vai trò và trách nhiệm của thủ trưởng các CSBD CBQLGD nhằm nâng cao vai trò và trách nhiệm của chủ thể quản lý thông qua việc hoàn thiện các cơ chế, chính sách trong NCKH tại các CSBD CBQLGD là tiền đề để tạo môi trường nâng cao hiệu quả NCKH.

Với mục đích hoàn thiện các quy trình cụ thể nhằm hướng tới sự công khai, minh bạch và đúng trách nhiệm khi quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD, luận án đã đề xuất việc hoàn thiện 06 quy trình ở giải pháp thứ 2, bao gồm: Quy trình TVXD vấn đề nghiên cứu; quy trình TVTC thuyết minh; Quy trình triển khai nghiên cứu và kiểm tra; Quy trình đánh giá, nghiệm thu; Quy trình thực hiện quyền tác giả và quyền sở hữu KQNC; Quy trình áp dụng KQNC vào thực tiễn.

Luận án cũng đề xuất giải pháp thứ 3 đề cập đến các nội dung cơ bản khi chủ thể quản lý cũng như các chủ thể có liên quan cần quan hệ với nhau ở cả hai phương diện pháp lý và tương tác (thương thuyết) để đi đến thống nhất trong quá trình thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở.

Luận án đã thực hiện nhiệm vụ khảo nghiệm sự cần thiết và tính khả thi của các giải pháp đề xuất tại Học viện Quản lý giáo dục và thực nghiệm xây dựng quy trình TVXD vấn đề nghiên cứu và quy trình TVTC thuyết minh nghiên cứu trong giải pháp 2 tại Học viện Quản lý giáo dục.

Kiến nghị:

- Các CSBD CBQLGD nên tập trung thực hiện các giải pháp, trong đó, trước mắt cần tập trung vào giải pháp 2 (Hoàn thiện các quy trình cụ thể trong quá trình thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD) và giải pháp 3 (Phát triển mối quan hệ giữa chủ thể quản lý với các chủ thể có liên quan trong quá trình thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở tại các CSBD CBQLGD).

- Giải pháp 1 (Nâng cao vai trò, trách nhiệm của chủ thể quản lý thông qua việc hoàn thiện các cơ chế, chính sách trong NCKH tại các CSBD CBQLGD) là rất quan trọng, bởi chủ thể quản lý thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm của mình thông qua các hành động cụ thể một cách công khai, minh bạch sẽ tạo ra nề nếp và sự công bằng về trách nhiệm và quyền lợi trong NCKH. Trước thực trạng hiện nay, các chủ thể cần thực hiện tốt 4/7 hành động cụ thể sau: Ban hành/chỉnh sửa Quy chế nghiên cứu khoa học (3.3.1.1); Ban hành quy định về thi đua, khen thưởng trong nghiên cứu khoa học (3.3.1.2); Ban hành quy định để có hệ thống thông tin quản lý nhằm tạo môi trường thuận lợi trong NCKH (3.3.1.4); Tăng cường cơ sở vật chất và hỗ trợ kinh phí trong việc thực hiện NCKH (3.3.2.7).

- Trên cơ sở cách tiếp cận của luận án, các CSBD CBQLGD nên có các đề tài NCKH để tìm các giải pháp cho việc quản lý tốt các nội dung NCKH khác ngoài đề tài NCKH cấp cơ sở nhằm tạo điều kiện cho NCKH tại các CSBD CBQLGD ngày càng phát triển, đáp ứng sự đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam.